

Bản án số: 86/2017/HSPT
Ngày: 28-11-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các thẩm phán: Bà Mai Thị Minh Hồng

Ông Vũ Hà Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Xuân Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Bà Tống Thị Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 76/2017/TLPT-HS ngày 26/10/2017, do có kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 53/2017/HS-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực - tỉnh Nam Định.

****Bị cáo có kháng cáo:***

Đoàn Văn H1 - Sinh năm 1961

ĐKKHKT: Xóm 17 - xã N - huyện N - tỉnh Nam Định.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 7/10.

Bố đẻ: Đoàn Văn H, sinh năm 1942 - Là Liệt sỹ chống Mỹ

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1942

Vợ: Trần Thị D, sinh năm 1962; Có 4 con, con lớn nhất sinh năm 1982, con nhỏ nhất sinh năm 1989.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị tạm giữ giam ngày 27/7/2017.

****Người bị hại có kháng cáo:***

1. Hoàng Văn D (tên gọi khác Hoàng Đình D), sinh năm 1969

2. Hoàng Thị H2, sinh năm 1972

Điều ĐKHKTT: Xóm 8 - xã N - huyện N - tỉnh Nam Định.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 8 năm 2013, Đoàn Văn H1 đến nhà và bảo Hoàng Văn T (trú tại xóm 9 xã N) hiện có một xuất đi học tại Học viện hàng không Việt Nam, học xong ra trường sẽ đi làm ở sân bay Nội Bài, nếu ai có nhu cầu đi học thì giới thiệu cho H1. Đến cuối tháng 8 Hoàng Văn T gọi điện và nói với H1 có chị Hoàng Thị H2 (trú tại xóm 8 xã C) có con là Hoàng Văn H3 vừa thi đỗ Đại học Công nghiệp Hà Nội nhưng gia đình lại muốn cho con học trường quân đội hoặc công an để ra trường có việc làm ngay và bảo H1 đến nhà T để gặp chị H2. Tại nhà T sau khi nghe chị H2 nêu nguyện vọng thì H1 bảo có một xuất vào Học viện hàng không Việt Nam, khi vào học không mất tiền, ra trường sẽ đi làm ở sân bay Nội Bài, chi phí hết 320.000.000 đồng. Chị H2 bảo về bàn bạc gia đình sẽ trả lời sau. Hôm sau H1 đến nhà T bảo T gọi chị H2 đến gặp H1. Chị H2 đến và đồng ý chạy cho con trai đi học nhưng hiện tại chưa đủ tiền. H1 bảo đặt cọc trước 50.000.000 đồng để giữ chân. Trưa 04/9/2013 chị H2 cùng chồng là Hoàng Văn D gặp H1 tại nhà T đưa cho H1 50.000.000 đồng, chị H2 viết giấy giao nhận tiền và cùng anh D, H1 ký vào giấy, T ký làm chứng. Ngày 16/9/2013 H1 lại gọi chị H2 đến nhà Tùng để đưa cho H1 200.000.000 đồng và hồ sơ cháu H3. Chị H2 lại viết giấy biên nhận tiền và cùng anh D, H1 ký vào giấy, T ký làm chứng. H1 đem hồ sơ cháu H3 nộp cho Học viện hàng không Việt Nam. Tháng 10/2013 H3 có giấy báo nhập học. Ngày 20/10/2013 chị H2 đưa tiếp 70.000.000 đồng cho H1 và viết giấy biên nhận với nội D: Gia đình chị H2 đã đưa đủ cho ông H1 số tiền 320.000.000 đồng, bước đầu H3 đã được đi học, sau khi ra trường ông H1 phải lo cho H3 được biên chế ngay và đi làm ở sân bay Nội Bài. Khi cháu H3 nhập trường thì biết là vào học trung cấp nghề và phải đóng học phí nên điện về cho mẹ. Chị H2 gọi điện cho H1 thì H1 bảo cứ học đi, sau khi học xong sẽ được biên chế và làm ở sân bay Nội Bài. Tháng 10/2015 cháu H3 tốt nghiệp ra trường, chị H2 giục H1 lo việc tiếp cho H3 thì H1 bảo phải học thêm chứng chỉ tiếng Anh. Chị H2 cho cháu H3 lên Hà Nội học và sau 6 tháng có chứng chỉ tiếng Anh. H1 đến lấy hồ sơ của cháu H3 nói đi lo việc cho H3. Chị H2 đợi lâu có gọi điện cho H1 nhưng H1 không trả lời. Ngày 16/01/2017 biết không lo được việc cho cháu H3 nên H1 cho vợ là Trần Thị D và anh Đoàn Văn Kh, Đoàn Văn K là anh em họ ra nhà chị H2 trả chị 60.000.000 đồng.

Ngày 19/01/2017 chị H2 gặp H1 nên kéo vào nhà anh T giải quyết tiền bạc, H1 viết cam kết ngày 10/3/2017 trả hết tiền cho chị H2. Đến ngày đó chị H2 đến nhà H1 thì H1 đã bỏ trốn, chị H2 đã làm đơn tố cáo H1 tại cơ quan Công an huyện Nam Trực.

Ngày 27/7/2017 H1 bị bắt theo lệnh truy nã số 03 ngày 26/5/2017 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Trực. Tại cơ quan điều tra H1 đã nhận tội. Gia đình H1 đã trả cho chị H2 được tất cả 135.000.000 đồng. Số tiền còn lại chị H2 chỉ yêu cầu H1 phải trả tiếp cho gia đình chị 135.000.000 đồng nữa.

Từ nội dung vụ án như trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số 53/2017/HS-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực - tỉnh Nam Định, đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn H1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”
2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999; Nghị quyết 41/QH; khoản 3 điều 7, điểm x khoản 1 điều 51 BLHS 2015

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn H1 7 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/7/2017.

3. Trách nhiệm dân sự: Buộc Đoàn Văn H1 phải bồi thường cho anh Hoàng Văn D và chị Hoàng Thị H2 số tiền 270.000.000 đồng (theo yêu cầu tự nguyện của các bị hại), được trừ đi 135.000.000 đồng đã bồi thường, còn phải tiếp tục bồi thường 135.000.000 đồng.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo và những người tham gia tố tụng.

+ Ngày 26/9/2017, bị cáo Đoàn Văn H1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

+ Ngày 22/9/2017, người bị hại Hoàng Văn D và Hoàng Thị H2 cùng có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị xử tăng hình phạt đối với bị cáo Đoàn Văn H1.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo Đoàn Văn H1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, xác nhận đã bị cấp sơ thẩm xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng không oan, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

- Người bị hại Hoàng Văn D và Hoàng Thị H2 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, xác nhận cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Đoàn Văn H1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng tội, tuy nhiên mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã

tuyên là nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử tăng hình phạt đối với bị cáo Đoàn Văn H1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định kết luận về vụ án: Cấp sơ thẩm đã xét xử đúng người, đúng tội.

Cấp sơ thẩm có vi phạm: Trong biên bản nghị án không có tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 BLHS, nhưng trong phần quyết định của án án lại có khoản 2 Điều 46 BLHS – đây là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, tuy nhiên xét thấy vi phạm này không ảnh hưởng đến việc định tội danh đối với bị cáo nên VKSND tỉnh Nam Định không đề nghị hủy án sơ thẩm mà chỉ đề nghị sửa án sơ thẩm về việc không áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS khi quyết định hình phạt đối với bị cáo H1.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có căn cứ pháp lý nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Kháng cáo của bị hại là có căn cứ pháp lý vì bị cáo có nhân thân xấu, đã bị TAND thành phố Nam Định xét xử về cùng loại tội, bị cáo lại bị bỏ đi tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS, do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị hại.

Trong phần quyết định cấp sơ thẩm tuyên bị cáo phải chịu lãi suất quá hạn đối với tiền án phí là sai, cần sửa lại phần này của án sơ thẩm.

Từ phân tích trên, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chấp nhận kháng cáo của người bị hại.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; khoản 3 Điều 249 BLTTHS

Không áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS khi quyết định hình đối với bị cáo

Tăng hình phạt của bị cáo H1 lên từ 03 tháng đến 06 tháng

Không tuyên bị cáo phải chịu lãi suất quá hạn đối với tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Kháng cáo của bị cáo Đoàn Văn H1 và kháng cáo của người bị hại đều làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

Xét nội dung kháng cáo thấy: Bị cáo Đoàn Văn H1 không có thẩm quyền và không có chức năng nhiệm vụ để xin được cho con trai của ông bà H2 - D vào học tại Học viện hàng không và ra trường làm việc tại sân bay Nội Bài.

Nhưng muốn có tiền chi tiêu cá nhân, Đoàn Văn H1 đã gian dối cam kết với ông bà H2 - D sẽ xin cho cháu H3 vào học tại Học viện hàng không và ra trường làm việc tại sân bay với giá 320 triệu đồng. Ông bà H2 - D đã tin lời đưa tiền và hồ sơ cho H1. Nhưng sau khi nhận tiền và hồ sơ, H1 đã không thực hiện giao ước đã hứa với người bị hại, khi người bị hại gọi điện thúc giục nhiều lần thì H1 đã trả lại cho ông bà H2 - D 60 triệu đồng, số tiền còn lại bị cáo chiếm đoạt. Người bị hại đã làm đơn tố cáo H1 đến cơ quan điều tra. Như vậy hành vi của Đoàn Văn H1 đã bị cấp sơ thẩm xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng, không oan.

Khi lượng hình, xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS và điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015; đối chiếu với các quy định của pháp luật thấy mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên cho bị cáo là nghiêm khắc - phù hợp với các quy định của pháp luật, đã đáp ứng được công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đoàn Văn H1 cũng như như kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo của người bị hại Hoàng Văn D và Hoàng Thị H2 đều không có căn cứ pháp lý, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xem xét toàn diện bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS cho bị cáo là không có căn cứ, đồng thời cấp sơ thẩm đã tuyên bị cáo phải chịu lãi suất quá hạn đối với tiền án phí là không đúng. Hội đồng xét xử sẽ sửa bản án sơ thẩm về những vấn đề này.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Bị cáo Đoàn Văn H1 phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 BLTTHS

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đoàn Văn H1 và kháng cáo của người bị hại Hoàng Văn D và Hoàng Thị H2: Sửa một phần bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999; Nghị quyết 41/QH; khoản 3 điều 7, điểm x khoản 1 điều 51 BLHS 2015

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn H1 7 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/7/2017.

Về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng, Điều 42 BLHS; Điều 357 BLDS.

Buộc Đoàn Văn H1 phải bồi thường cho anh Hoàng Văn Dục và chị Hoàng Thị H2 số tiền 270.000.000 đồng (theo yêu cầu tự nguyện của các bị hại), được trừ đi 135.000.000 đồng đã bồi thường, còn phải tiếp tục bồi thường 135.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được bồi thường có đơn yêu cầu, nếu người phải bồi thường không thi hành khoản tiền này, thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Bị cáo Đoàn Văn H1 phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo - kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND - VKS - CA huyện Nam Trực
- Chi cục THA dân sự huyện Nam Trực
- VKS - Công an tỉnh Nam Định
- Bị cáo; Người tham gia tt;
- Lưu HS, tòa HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Thị Mai Hương